

Diễn biến thị trường ngày 13.03.2017

Thị trường hôm nay chìm trong sắc đỏ trên cả 2 sàn giao dịch chính ngay từ đầu phiên. Trong phiên có lúc VN-Index đã giảm đến hơn 4 điểm, trước khi phục hồi nhẹ và kết phiên tại 710.17 điểm, giảm 0.29%. Trong khi đó, HNX giảm mạnh 1.27%, đóng cửa tại mức 8702 điểm. GTGD cả 2 sàn duy trì khá tốt

Trụ đỡ chính hôm nay của VN-Index là NVL, cổ phiếu này tăng trần sau khi bất ngờ được chọn vào rổ chỉ số VNM ETF. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại là các cổ phiếu vốn hoá lớn SAB, GAS, VCB, CTG... Vì vậy, diễn biến tích cực tại NVL, và phần nào là ROS, không thể giúp thị trường tăng điểm. Trong khi đó trên sàn HNX, ACB là lý do chính khiến thị trường ngập trong sắc đỏ khi một mình ACB đóng góp toàn bộ mức giảm điểm của chỉ số trong ngày hôm nay.

Nhóm cổ phiếu dầu khí tiếp tục giảm mạnh sau khi giá dầu thế giới sụt giảm xuống đáy 3 tháng trước thông tin tồn kho dầu của Mỹ tăng tuần thứ 9 liên tiếp cùng với việc đẩy mạnh hoạt động khai thác tại các mỏ dầu thô của Mỹ.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng diễn biến phân hoá, trong khi nhóm NHTM nhà nước cùng với ACB và SHB giảm kéo thị trường giảm khá sâu, thì STB, MBB diễn biến ngược lại, tăng điểm khá tốt.

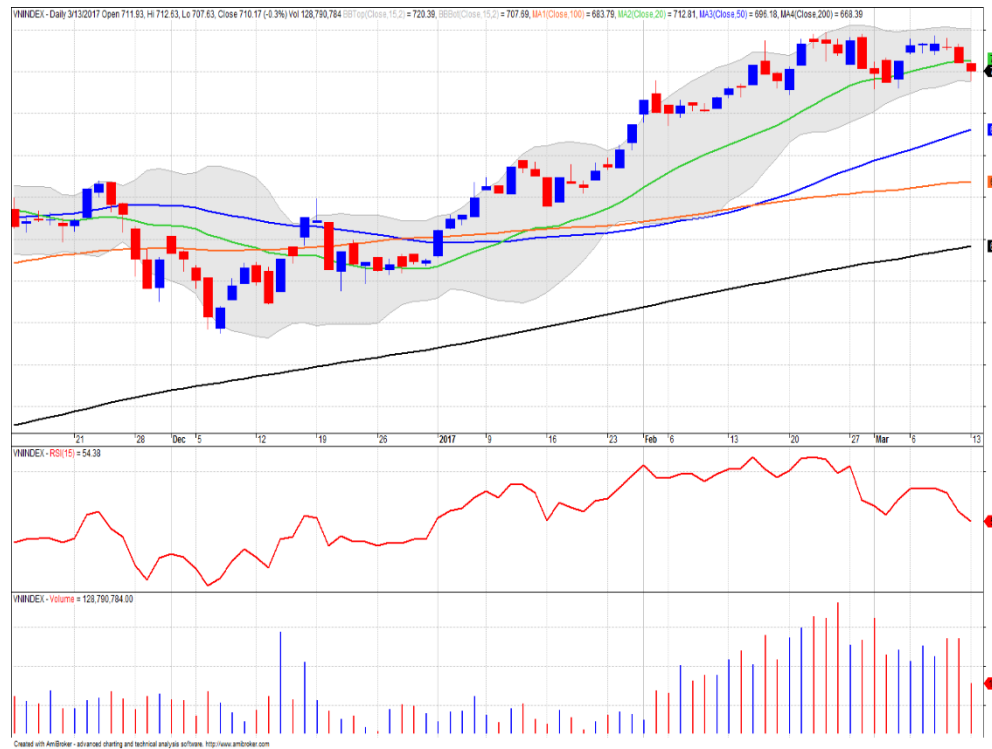
Cập nhật thị trường	HOSE	HNX	
Chỉ số	710.17	87.02	Đợt tái cơ cấu danh mục quý 1/2017, VNM ETF sẽ thêm vào cổ phiếu NVL với tỉ trọng khoản 7% danh mục, trong khi loại bỏ ITA ra khỏi danh mục của quỹ. Một số mã khác cũng có thể chịu ảnh hưởng ở kỳ tái cơ cấu danh mục này là SSI và BVH ở chiều bán ra, và VNM, VIC ở chiều mua vào.
% thay đổi	-0.29%	-1.27%	
Tổng KLGD (triệu CP)	146.59	45.20	
Tổng GTGD (Tỷ VND)	3,439.45	511.06	
KL Dư mua (triệu CP)	117.01	39.84	
KL Dư bán (triệu CP)	107.43	32.07	

Giao dịch nước ngoài	HOSE	HNX	
KL NĐTNN mua (triệu CP)	9.17	1.28	Trái ngược với NVL, GTN là cổ phiếu được thị trường kỳ vọng sẽ được cơ cấu vào rổ danh mục ETF, phản ánh vào giá cổ phiếu đã tăng mạnh từ nửa cuối tháng 2. Cổ phiếu này đã giảm sàn 2 phiên liên tục sau khi các quỹ ETF công bố danh mục của mình.
KL bán (triệu CP)	7.35	0.83	
GT mua (tỷ đồng)	618.06	22.12	
GT bán (tỷ đồng)	355.25	14.16	
KL mua/bán ròng (triệu CP)	1.82	0.45	
GT mua/bán ròng (tỷ đồng)	262.81	7.96	

Chỉ số thị trường	HOSE	HNX	
P/B	4.57	1.63	Khỏi ngoại hôm nay đã có một phiên mua ròng đột biến. Tổng giá trị mua ròng đạt 270 tỷ đồng. Các NĐTNN tập trung mua ròng mạnh tại ROS, HPG, VNM, PVS và các mã chứng khoán SSI, VND, HCM, trong khi bán ròng mạnh NVL, VIC và VCB.
P/E	16.65	11.11	
Beta	0.88	0.80	
ROE	20.7%	14.9%	
ROA	10.6%	6.2%	

Phân tích kỹ thuật

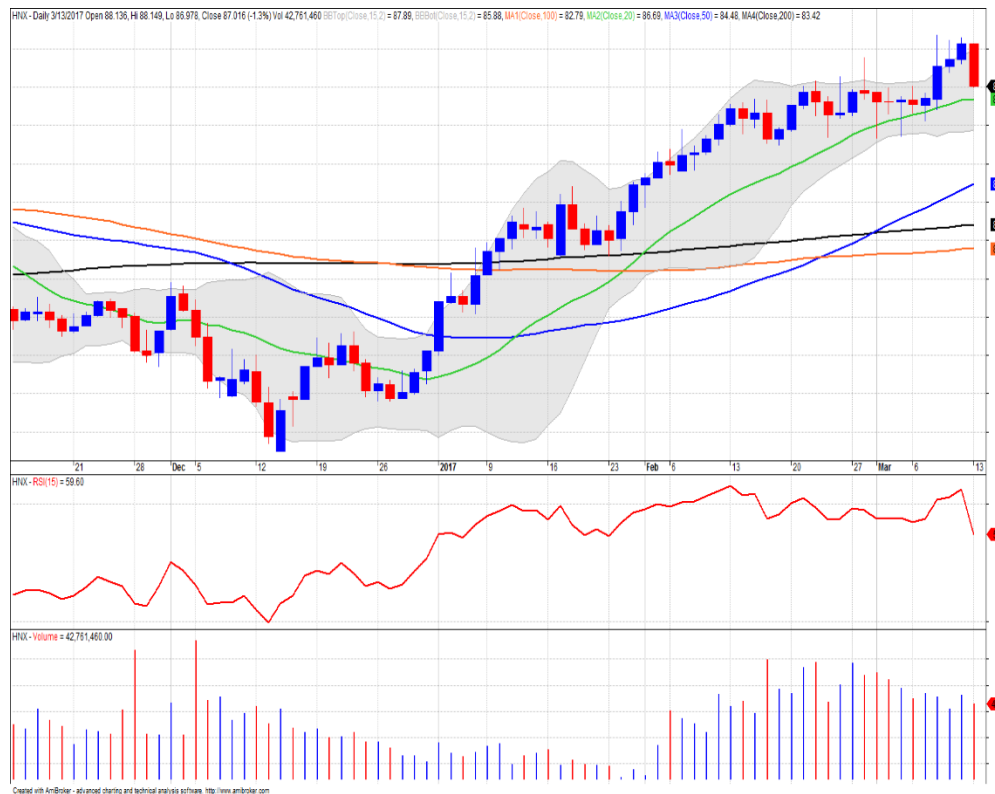
VN-INDEX: Một phiên điều chỉnh tiếp theo của VN-index. KLGD đã giảm khá nhiều so với những phiên trước đó. Chỉ số rơi về vùng hỗ trợ tại band dưới của dãy Bollinger. Các chỉ báo xung lực thị trường RSI và MACD tiếp tục cho thấy xu hướng giảm lực cầu trên thị trường. Chúng tôi dự báo VN-Index sẽ tiếp tục xu hướng giảm trong ngắn hạn với vùng hỗ trợ gần nhất tại 700-705.



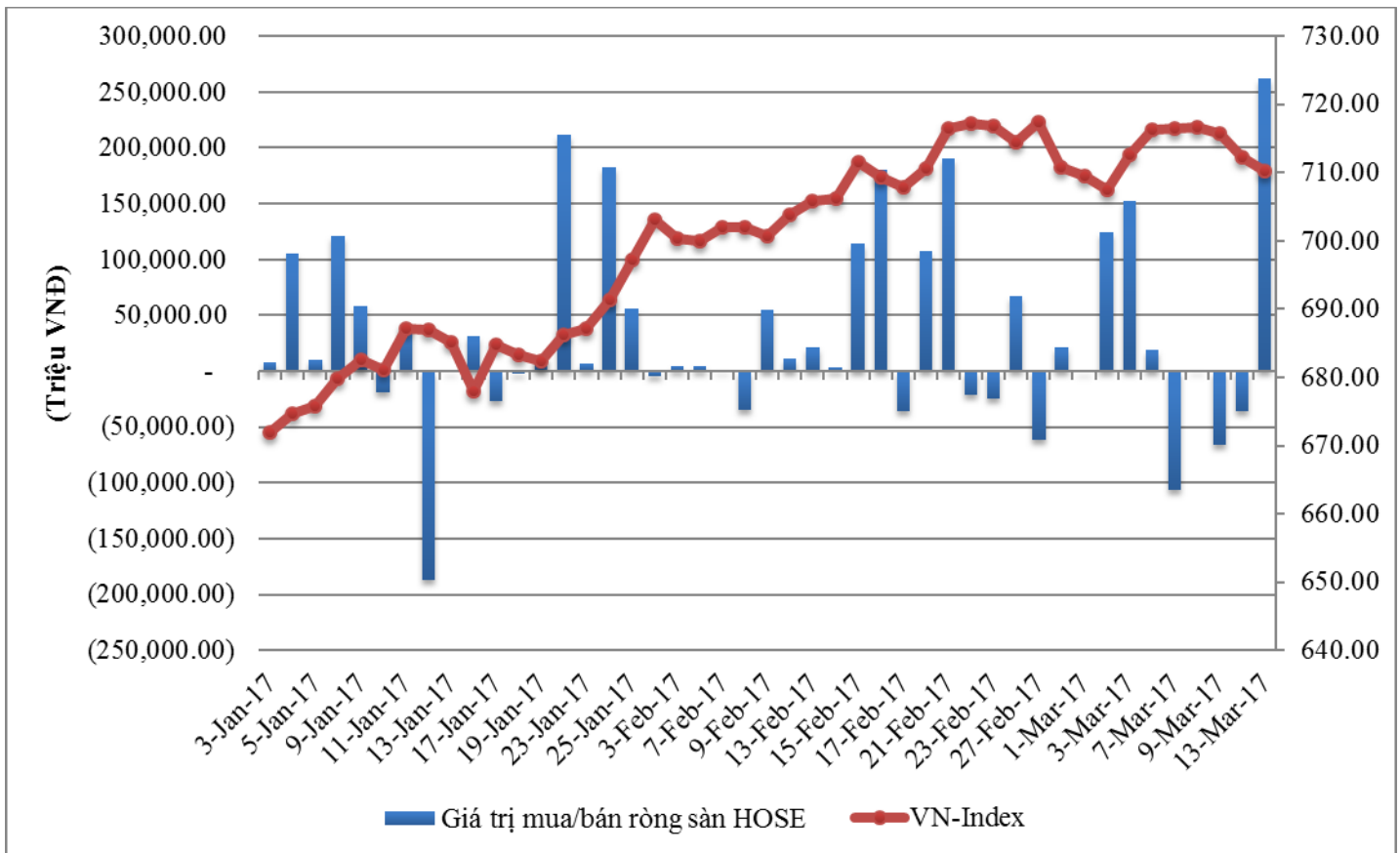
HNX-INDEX: Phiên điều chỉnh thực sự diễn ra tại HNX-index. Thân nến đặc và không có bóng nến cho thấy khả năng sự đồng thuận giảm điểm của thị trường.

KLGD vẫn được duy trì tốt nhưng chỉ báo RSI đã rơi khỏi vùng quá mua 70 điểm.

Chúng tôi kỳ vọng HNX-Index sẽ kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ 86 – 86.5 trong vài phiên giao dịch sắp tới



Giao dịch ròng khối ngoại và VN-Index



Điểm tin doanh nghiệp

- **Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T (HOSE: FIT)** vừa thông báo đăng ký mua vào 1 triệu cổ phiếu DCL. Giao dịch dự kiến được thực hiện từ ngày 16/3 đến 14/4 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Nếu việc mua vào thành công, FIT sẽ nâng sở hữu tại DCL từ hơn 39.4 triệu cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 69.95% lên hơn 40.4 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 71.72%. *(Đầu tư chứng khoán)*
- **Tập đoàn Hà Đô (HOSE: HDG)** HDG sẽ tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, tức 1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng. Nguồn tạm ứng cổ tức là lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty. Ngày GDKHQ dự kiến là ngày 27/3, thời gian thanh toán cổ tức dự kiến từ ngày 3/4. *(Đầu tư chứng khoán)*
- **CTCP Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh (HOSE: DXG)** đặt mục tiêu doanh thu thuần đạt 3,300 tỷ đồng, tăng 31% y/y, lợi nhuận sau thuế 700 tỷ đồng, tăng 30% y/y. Gần đây, DXG đã thông qua việc điều chỉnh tỷ lệ chia cổ tức năm 2016 từ 15% lên 18%, trong đó trả 13% bằng cổ phiếu và 5% bằng tiền mặt.

Thống kê giao dịch sàn HOSE và HNX ngày 10.02.2017

HOSE

Top GTGD nhiều nhất tại sàn HSX					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	ROS	173,300	1.23%	3,815,330	657,262
2	NVL	72,700	6.91%	4,768,140	346,032
3	VNM	129,700	-0.15%	1,953,660	253,776
4	FLC	7,680	-3.40%	16,024,680	124,818
5	HBC	51,800	3.19%	2,024,850	103,352
6	TLG	103,000	-0.96%	896,040	94,074
7	HPG	42,100	0.00%	2,169,800	91,092
8	VJC	131,000	0.00%	566,660	74,223
9	STG	22,000	-2.44%	3,005,840	69,129
10	REE	27,200	0.74%	2,369,630	64,759

HNX

Top GTGD nhiều nhất tại sàn HNX					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	ACB	22,900	-3.38%	5,283,384	73,082
2	HUT	13,600	-4.23%	4,027,647	36,835
3	TVC	13,700	9.60%	3,149,747	36,788
4	VC3	39,900	-1.72%	3,085,790	35,702
5	VCG	15,700	-1.88%	2,755,010	32,496
6	CVT	57,700	-0.35%	2,670,453	22,977
7	SHB	5,000	-1.96%	2,043,974	20,426
8	PVS	17,600	-0.56%	969,700	17,033
9	HKB	5,300	8.16%	968,312	16,047
10	KLF	2,700	-3.57%	933,700	14,267

Top tăng giá HSX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	VPH	13,050	6.97%	933,980	11,971
2	NVL	72,700	6.91%	4,768,140	346,032
3	DLG	3,150	6.78%	9,481,990	29,191
4	TDH	13,300	6.40%	1,883,000	24,606
5	QBS	5,750	4.93%	317,640	1,787
6	SVC	56,400	4.83%	201,400	11,237
7	LCG	7,800	4.28%	2,641,640	20,689
8	HBC	51,800	3.19%	2,024,850	103,352
9	BHS	11,750	3.07%	2,139,680	24,722
10	CTD	199,900	3.04%	315,350	58,757

Top tăng giá HNX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	SDP	6,600	10.00%	596,430	3,888
2	TVC	13,700	9.60%	2,755,010	36,788
3	HKT	6,900	9.52%	224,600	1,460
4	HKB	5,300	8.16%	3,085,790	16,047
5	SDA	3,000	7.14%	221,900	659
6	CTP	16,200	5.88%	221,400	3,529
7	SPI	2,500	4.17%	364,600	879
8	NHP	4,400	2.33%	460,600	1,986
9	VIX	6,000	1.69%	552,125	3,251
10	VND	13,000	1.56%	683,915	8,882

Top giảm giá sàn HSX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	DTA	2,140	-6.96%	879,890	1,889
2	GTN	20,300	-6.88%	491,600	9,979
3	APC	23,750	-6.86%	378,160	9,036
4	ITA	3,980	-5.69%	8,372,900	35,437
5	KSH	2,160	-5.68%	288,400	629
6	HID	8,400	-4.22%	1,116,820	9,428
7	TCH	15,550	-3.72%	521,770	8,167
8	FLC	7,680	-3.40%	16,024,680	124,818
9	VHG	2,190	-3.10%	2,132,790	4,728
10	TNT	2,270	-2.99%	221,830	509

Top giảm giá HNX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	CTB	26,200	-9.03%	390,800	10,281
2	TTC	18,800	-7.84%	345,300	7,693
3	DPS	2,500	-7.41%	361,809	941
4	PVX	2,200	-4.35%	333,315	736
5	HUT	13,600	-4.23%	2,670,453	36,835
6	DCS	2,400	-4.00%	725,499	1,750
7	KVC	2,500	-3.85%	406,100	1,025
8	HHG	10,500	-3.67%	681,540	7,073
9	KLF	2,700	-3.57%	5,283,384	14,267
10	ACB	22,900	-3.38%	3,149,747	73,082

Thông kê giao dịch khối ngoại

HOSE

Top mua ròng về giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	ROS	1,749,100	71,716,747	209,560,960	0.3%
2	HPG	1,150,320	48,288,494	113,149,738	35.6%
3	VNM	122,560	15,923,675	672,403,839	53.7%
4	SSI	190,760	4,066,472	212,290,174	56.7%
5	NT2	127,560	3,814,563	77,991,159	21.6%
6	DPM	150,870	3,661,121	110,264,426	20.8%
7	MSN	76,960	3,206,194	204,538,872	30.6%
8	KBC	192,150	2,755,058	86,108,918	30.9%
9	NLG	107,770	2,719,335	5,358,148	45.2%
10	HCM	84,400	2,640,833	524,407	48.6%

HNX

Top mua ròng về giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	PVS	324,200	5,723,880	94,470,757	27.9%
2	VND	373,600	4,855,390	3,261,227	46.9%
3	DBC	113,927	3,924,563	16,549,568	27.0%
4	DNP	41,000	1,049,800	13,757,428	3.2%
5	VKC	60,000	820,000	5,372,507	22.1%
6	TNG	40,000	564,000	9,479,810	21.3%
7	PTI	14,100	408,900	7,563,409	39.6%
8	HUT	28,800	401,440	53,175,740	18.8%
9	VIX	38,000	221,600	20,390,356	19.9%
10	TV2	1,100	219,600	21,139	47.7%

Top bán ròng về giá trị sàn HOSE

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	NVL	(741,300)	(53,913,597)	226,303,674	11.0%
2	VCB	(316,840)	(11,760,436)	328,032,276	20.9%
3	VIC	(166,630)	(7,385,406)	500,462,559	10.0%
4	HT1	(272,150)	(5,607,228)	148,927,566	10.0%
5	PVD	(198,780)	(4,138,191)	81,092,693	27.8%
6	HSG	(63,800)	(2,974,184)	39,327,147	29.0%
7	DPR	(38,990)	(1,705,811)	11,098,310	23.2%
8	CTD	(8,340)	(1,604,768)	5,343,905	42.1%
9	PVT	(120,000)	(1,513,826)	67,175,074	25.1%
10	DXG	(61,160)	(1,141,141)	45,055,167	31.2%

Top bán ròng về giá trị tại HNX

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	TTC	(338,200)	(7,559,800)	2,043,473	14.9%
2	NTP	(20,000)	(1,425,620)	11,599,706	33.4%
3	SHB	(90,000)	(450,000)	203,631,071	16.4%
4	DHP	(30,000)	(276,600)	3,308,778	14.1%
5	CAP	(7,700)	(262,130)	2,056,876	5.8%
6	SDT	(15,500)	(146,140)	18,698,380	5.2%
7	PMS	(5,100)	(145,850)	1,859,042	23.3%
8	SHN	(13,000)	(133,340)	57,484,896	0.1%
9	TFC	(19,000)	(116,080)	2,439,147	34.5%
10	TTB	(16,000)	(112,000)	18,814,082	0.4%

Thông kê theo nhóm ngành:

Ngành	Vốn hóa (Tỷ VND)	Tỷ trọng vốn hóa	% thay đổi 1 Ngày	% thay đổi 1 tháng	P/E	P/B	ROE %	ROA %	Tỷ suất lợi nhuận thuần	Tỷ suất lợi nhuận gộp
Dầu khí	17,127.81	1%	-1.11%	-8.45%	15.65	0.67	4%	2%	-8%	-6%
Nguyên vật liệu	148,300.98	7%	-0.08%	0.23%	9.60	1.90	17%	9%	5%	15%
Công nghiệp	425,425.21	19%	0.19%	6.27%	20.58	5.10	16%	7%	16%	22%
Hàng Tiêu dùng	583,883.36	26%	-0.88%	-2.66%	18.67	6.63	30%	20%	16%	34%
Dược phẩm và Y tế	30,170.07	1%	0.76%	2.78%	23.63	3.13	22%	14%	11%	40%
Dịch vụ Tiêu dùng	140,329.34	6%	-0.42%	-5.77%	17.80	5.16	36%	10%	24%	6%
Viễn thông	14,151.70	1%	0.72%	1.04%	13.85	4.21	30%	11%	14%	44%
Tiền ích Cộng đồng	158,455.94	7%	-1.12%	-5.73%	12.28	2.27	16%	11%	15%	24%
Tài chính	345,484.34	15%	0.46%	5.13%	24.63	2.97	10%	3%	16%	32%
Ngân hàng	353,478.44	16%	-0.84%	-2.00%	13.50	1.73	12%	1%	23%	52%
CNTT	27,482.11	1%	-0.37%	2.05%	10.83	1.96	16%	7%	6%	20%

TOP VỐN HOÁ SÀN HOSE

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	VNM	VINAMILK	6,464	20.07	1,451.42	43.16%	32.89%	188,248.57
2	VCB	Vietcombank	1,897	19.53	3,597.77	14.50%	0.93%	133,297.33
3	SAB	SABECO	6,978	29.66	641.28	33.86%	21.92%	132,745.21
4	VIC	VinGroup	591	74.77	2,637.71	3.78%	0.96%	116,586.69
5	GAS	PV Gas	3,704	14.77	1,913.35	16.90%	12.46%	104,660.14
6	ROS	Xây dựng FLC FAROS	1,021	169.67	430.00	10.38%	6.60%	74,519.00
7	CTG	VIETINBANK	1,828	9.82	3,723.40	11.48%	0.79%	66,835.11
8	BID	BIDV	1,802	9.16	3,418.72	14.74%	0.66%	56,408.80
9	MSN	Tập đoàn Masan	2,472	16.87	1,138.26	11.77%	3.85%	47,465.53
10	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Nova)	3,231	22.50	589.37	20.59%	5.28%	42,847.14

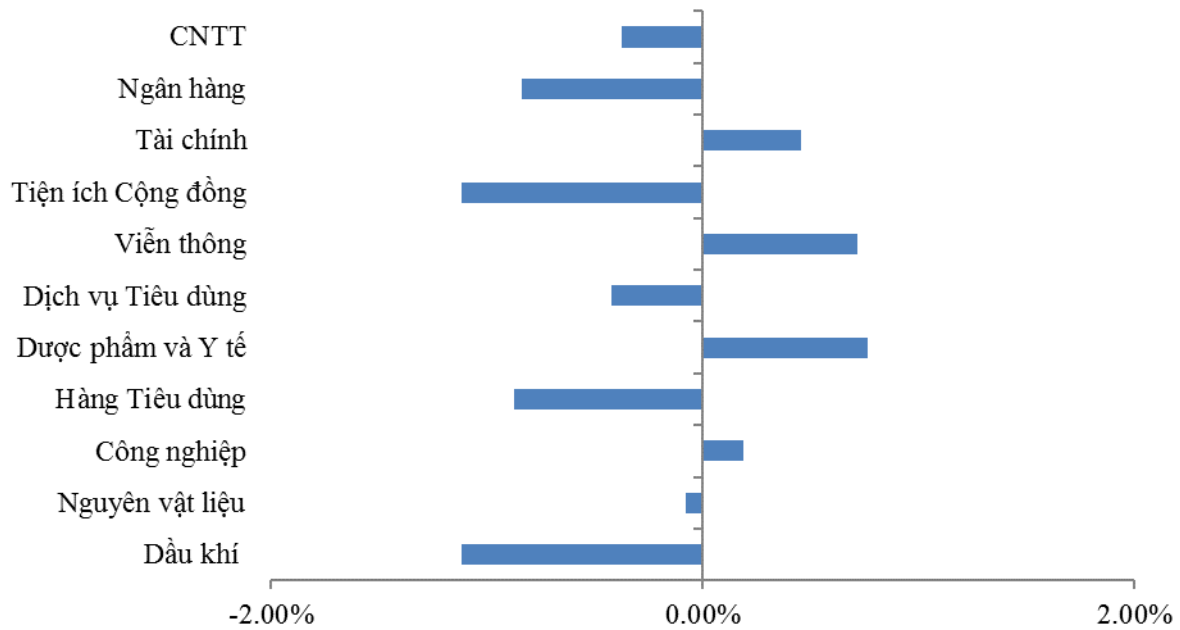
TOP VỐN HOÁ SÀN HNX

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACB	Ngân hàng Á Châu	1,344	17.04	985.90	9.87%	0.61%	22,577.14
2	VCS	VCS STONE	12,009	12.70	60.00	55.28%	22.09%	9,150.00
3	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	2,210	7.96	446.70	8.38%	3.80%	7,861.93
4	VCG	VINACONEX	1,078	14.56	441.71	6.44%	2.21%	6,934.86
5	SHB	SHB	921	5.43	1,119.19	7.66%	0.43%	5,595.96
6	PHP	Cảng Hải Phòng	1,411	11.83	326.96	11.35%	8.44%	5,460.23
7	PVI	Bảo hiểm PVI	2,424	9.86	222.49	7.96%	3.36%	5,317.45
8	NTP	Nhựa Tiên Phong	5,346	13.34	74.37	22.38%	11.90%	5,302.39
9	VGC	Tổng Công ty Viglacera	1,727	7.82	307.00	12.74%	3.95%	4,144.50
10	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	1,829	12.96	131.08	8.87%	3.74%	3,106.50

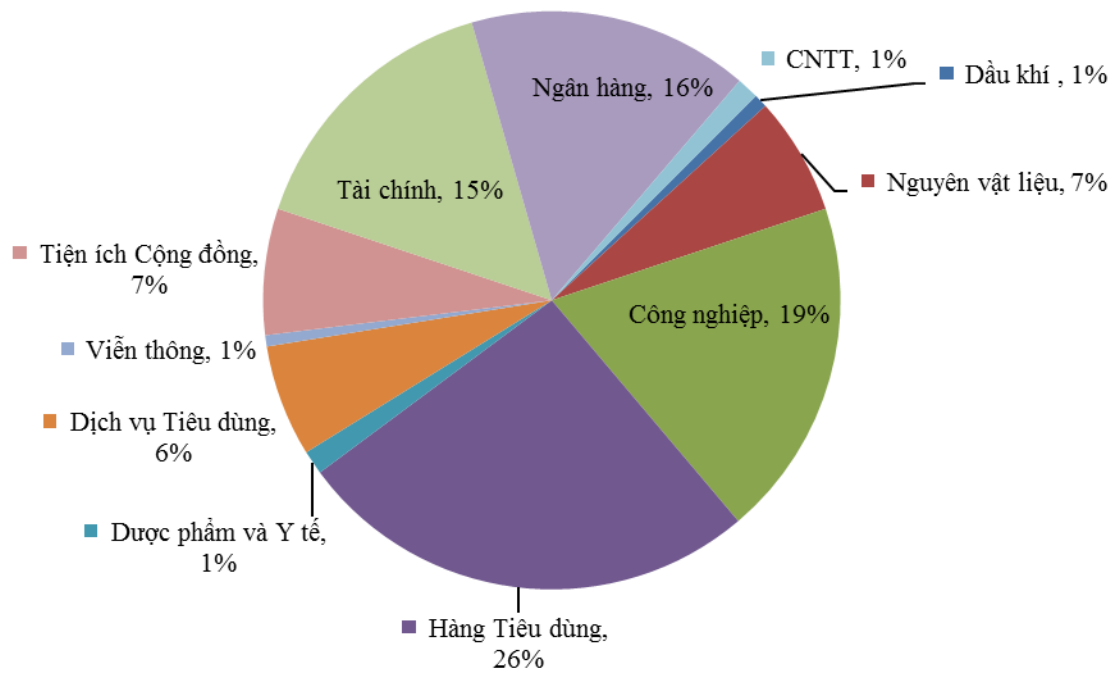
TOP VỐN HOÁ SÀN UPCOM

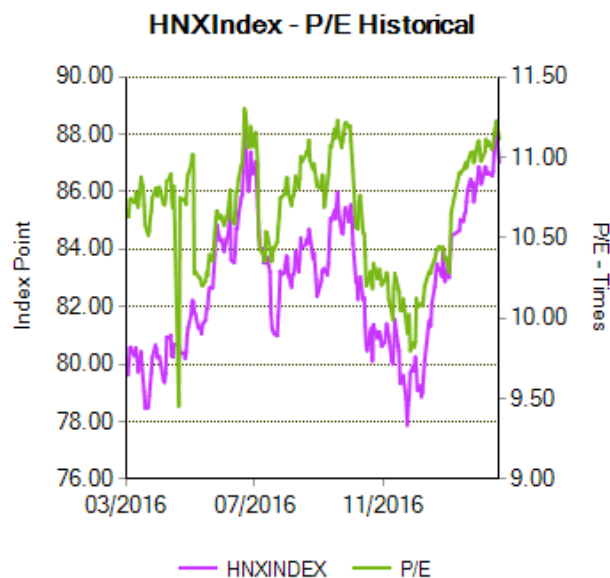
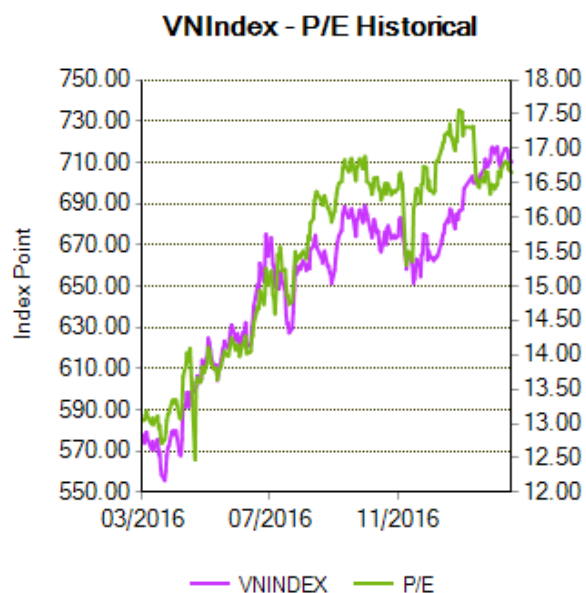
STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACV	Cảng Hàng không VN	1,002	51.87	2,177.17	8.33%	3.86%	113,132.45
2	HVN	Vietnam Airlines	2,480	12.70	1,227.53	17.54%	2.69%	38,675.91
3	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	5,165	13.19	538.16	21.66%	15.32%	36,662.70
4	QNS	Đường Quảng Ngãi	7,566	16.34	187.55	43.22%	24.93%	23,189.54
5	FOX	FPT Telecom	6,697	14.42	137.05	30.82%	11.12%	13,235.47
6	MSR	Tài Nguyên Masan	153	103.67	703.54	0.94%	0.41%	11,135.71
7	VEF	Triển lãm Việt Nam	267	239.81	166.60	2.58%	2.56%	10,653.00
8	VIB	VIBBank	900	19.45	564.44	6.47%	0.59%	9,879.40
9	DTK	Vinacomin Power	21	656.35	680.00	0.23%	0.05%	9,520.00
10	SQC	Khoáng sản SG-Quy Nhơn	-514	-157.71	107.30	-6.29%	-4.85%	8,691.22

Tăng/giảm theo ngành



Tỷ trọng vốn hóa ngành





MIỄN TRÁCH: Các thông tin và dự báo trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin mà BMSC cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin này. Toàn bộ quan điểm và nhận định trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận hợp lý, và phù hợp với thời điểm đưa ra báo cáo này. Các quan điểm này có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được đưa ra không nhằm mục đích khuyến nghị hay quảng cáo việc mua/bán bất cứ cổ phiếu nào. BMSC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đối với việc sử dụng các thông tin, phân tích, hay khuyến nghị nào từ báo cáo này.

Bản quyền báo cáo này thuộc về BMSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của BMSC đều không được phép.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh – Hội sở

Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP. HCM

ĐT: +84 8 7306 8686 – Fax: +84 8 3824 7436

Website: <https://www.bmsc.com.vn> – Email: info@bmsc.com.vn